

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 233/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

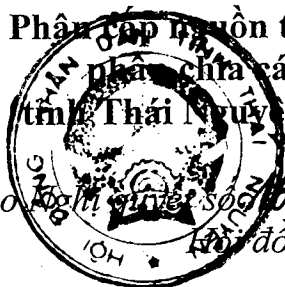


Phạm Hoàng Sơn

QUY ĐỊNH

**Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%)
phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách
tỉnh Thái Nguyên thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 36 /2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách tỉnh Thái Nguyên áp dụng cho năm ngân sách 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở, ban, ngành, các cơ quan Đảng, đoàn thể, các đơn vị dự toán cấp tỉnh và các huyện, thành phố, thị xã (gọi chung là cấp huyện); các xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã).

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi

Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa ngân sách các cấp ở tỉnh Thái Nguyên thời kỳ ổn định ngân sách cho năm ngân sách 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách 2022 - 2025 được thực hiện theo nguyên tắc sau:

1. Phải đảm bảo đúng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước (NSNN) và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật; đảm bảo phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư, trình độ quản lý của mỗi cấp trên địa bàn.

2. Ngân sách cấp tỉnh giữ vai trò chủ đạo, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ quan trọng của tỉnh và hỗ trợ các huyện, thành phố, thị xã và các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là địa phương) chưa cân đối được ngân sách.

3. Ngân sách địa phương được phân cấp nguồn thu đảm bảo chủ động trong thực hiện những nhiệm vụ chi được giao và theo hướng tăng cường phân cấp cho cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ, hạn chế việc bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

4. Phân cấp cụ thể, rõ ràng, hạn chế phân cấp cho nhiều cấp ngân sách đối với các nguồn thu có quy mô nhỏ.

5. Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; việc ban hành và thực hiện các chính sách, chế độ mới làm tăng chi ngân sách phải có giải pháp đảm bảo nguồn tài chính, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách từng cấp; việc quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách phải bảo đảm trong phạm vi ngân sách theo phân cấp.

6. Ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.

7. Trong phân cấp nhiệm vụ chi đối với thị xã, thành phố thuộc tỉnh phải có nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập các cấp, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Mục 1

Nội dung phân cấp nguồn thu ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã

Điều 4. Nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh

1. Các khoản thu ngân sách tỉnh được hưởng theo tỷ lệ 100%

a) Thuế giá trị gia tăng thu từ các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Cục Thuế tỉnh quản lý thu (trừ thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu);

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Cục Thuế tỉnh quản lý thu;

c) Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Cục Thuế tỉnh quản lý thu (trừ thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu);

d) Thuế tài nguyên thu từ các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Cục Thuế tỉnh quản lý thu;

đ) Các khoản thu từ đơn vị vắng lai ngoại tỉnh là các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Chi cục thuế thành phố Thái Nguyên và Chi cục thuế Khu vực quản lý;

e) Thuế bảo vệ môi trường (không bao gồm thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu);

ê) Thuế thu nhập cá nhân do Cục Thuế tỉnh quản lý thu;

g) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;

h) Lệ phí do các đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu;

i) Thu tiền cho thuê đất từ các đơn vị do Cục Thuế tỉnh quản lý thu và các dự án do ngân sách cấp tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện giải phóng mặt bằng;

k) Thu tiền chậm nộp từ các đơn vị, cá nhân do Cục thuế tỉnh quản lý thu và các đơn vị thuộc cấp Trung ương quản lý thu nhưng địa phương được hưởng;

l) Thu tiền sử dụng đất của các dự án do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường); Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh thực hiện. Thu tiền sử dụng đất từ các khu tái định cư được đầu tư bằng nguồn ngân sách cấp tỉnh;

m) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách cấp tỉnh đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu;

n) Thu từ xử lý tài sản công, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do cấp tỉnh quản lý và các tài sản công do cấp huyện quản lý nhưng được ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ kinh phí đầu tư;

o) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

ô) Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm đại diện chủ sở hữu sau khi trừ phần được trích lại, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và các quy định khác có liên quan;

ơ) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

p) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật;

q) Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

r) Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật. Huy động đóng góp, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

s) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

t) Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương;

u) Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh;

u) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu được phân chia tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện

a) Thu tiền sử dụng đất (không bao gồm ghi thu, ghi chi và thu tiền sử dụng đất từ các khu tái định được đầu tư bằng nguồn ngân sách cấp huyện);

b) Thu tiền sử dụng đất từ các dự án khu dân cư, khu đô thị được chuyển mục đích từ đất sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sang đất ở;

c) Thu tiền sử dụng đất từ các dự án khu dân cư, khu đô thị không sử dụng vốn nhà nước thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (sau khi trừ đi các khoản được trừ theo quy định);

d) Thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản. Hằng năm, căn cứ vào số thu thực tế phát sinh từ các doanh nghiệp do Cục Thuế tỉnh quản lý, Sở Tài chính phối hợp với Cục Thuế tỉnh điều tiết cho các địa phương có diễn ra hoạt động khai thác khoáng sản theo tỷ lệ phần trăm quy định;

đ) Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa. Hằng năm, căn cứ số thu thực tế phát sinh trên địa bàn các địa phương, Sở Tài chính phối hợp các đơn vị liên quan điều tiết cho các địa phương có phát sinh số thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

3. Thu bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương.

4. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp tỉnh từ năm trước sang.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

Điều 5. Nguồn thu của ngân sách cấp huyện

1. Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%

a) Thuế giá trị gia tăng của các đơn vị vãng lai ngoại tỉnh thực hiện trên địa bàn cấp huyện do Chi cục Thuế thành phố Thái Nguyên và Chi cục Thuế Khu vực quản lý (không bao gồm các đơn vị là các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh);

b) Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên do Chi cục Thuế thành phố Thái Nguyên và Chi cục Thuế Khu vực quản lý thu;

c) Lệ phí môn bài (trừ lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh ở xã, phường, thị trấn);

d) Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện thu;

đ) Thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản (phần ngân sách huyện hưởng);

e) Thu tiền chậm nộp từ các đơn vị, cá nhân do Chi cục Thuế thành phố Thái Nguyên và Chi cục Thuế Khu vực quản lý thu;

g) Thu tiền sử dụng đất từ các khu tái định cư được đầu tư bằng nguồn ngân sách cấp huyện;

h) Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước của các đơn vị do cấp huyện quản lý;

i) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách cấp huyện đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu nhập từ vốn góp của ngân sách cấp huyện;

k) Thu từ việc xử lý tài sản công, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do cấp huyện quản lý (không bao gồm các tài sản công do cấp huyện quản lý nhưng được ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ kinh phí đầu tư);

l) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp huyện xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

m) Các khoản phí thu từ hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp huyện làm đại diện chủ sở hữu sau khi trừ phần được trích lại, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và các quy định khác có liên quan;

n) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện xử lý;

o) Huy động đóng góp, đóng góp tự nguyện từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật;

p) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp huyện theo quy định của pháp luật;

q) Thu kết dư ngân sách cấp huyện;

r) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu được phân chia tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp huyện và ngân sách các xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã)

a) Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên từ khu vực ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế thành phố Thái Nguyên và Chi cục Thuế Khu vực quản lý thu;

b) Thu tiền sử dụng đất (phần ngân sách huyện hưởng);

c) Thuế thu nhập cá nhân do Chi cục Thuế thành phố Thái Nguyên và Chi cục Thuế Khu vực quản lý thu;

d) Thu lệ phí trước bạ;

đ) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

e) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

g) Đối với thu từ đầu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn xã sau khi đã trừ đi các khoản chi phí theo quy định, ngân sách huyện bố trí kinh phí cho các xã để thực hiện các nhiệm vụ tại địa phương theo quy định.

3. Thu bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh.

4. Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp huyện từ năm trước sang.

Điều 6. Nguồn thu của ngân sách cấp xã

1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%

a) Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh ở xã, phường, thị trấn;

b) Lệ phí do cấp xã thực hiện thu;

c) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách cấp xã đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu nhập từ vốn góp của ngân sách cấp xã;

d) Thu từ việc xử lý tài sản công do cấp xã quản lý;

đ) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do cấp xã xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;

e) Các khoản thu phí từ hoạt động dịch vụ do cấp xã thực hiện;

g) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cấp xã xử phạt, tịch thu;

h) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;

i) Tiền bồi thường thiệt hại đất, tài sản, cây cối, hoa màu của xã, phường, thị trấn khi nhà nước thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai;

k) Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng nộp vào ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật;

l) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật;

m) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp xã theo quy định của pháp luật;

n) Thu kết dư ngân sách cấp xã;

o) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản thu được phân chia tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy định này, phần ngân sách cấp xã hưởng theo quy định.

3. Thu bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện.

4. Thu chuyên nguồn của ngân sách cấp xã từ năm trước sang.

(Chi tiết tại Phụ lục II, III, IV, V, VI, VII, VIII, IX, X kèm theo)

Mục 2

Nội dung phân cấp nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã

Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do tỉnh quản lý;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của tỉnh theo quy định của pháp luật;

c) Chi đầu tư phát triển các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia do cấp tỉnh quản lý;

d) Chi đối ứng, chi trả nợ gốc, lãi, phí các khoản vay thực hiện các Chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài thuộc nhiệm vụ ngân sách cấp tỉnh;

đ) Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

e) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên theo phân cấp trong các lĩnh vực của các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh

a) Các hoạt động sự nghiệp giáo dục và đào tạo, y tế, đảm bảo xã hội, văn hóa, thể dục thể thao, thông tin truyền thông, khoa học và công nghệ, môi trường, các hoạt động sự nghiệp do tỉnh quản lý, bao gồm:

a.1) Giáo dục phổ thông trung học, bổ túc văn hoá, phổ thông dân tộc nội trú; trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh và các hoạt động giáo dục khác;

- a.2) Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác;
- a.3) Chi phòng bệnh, chữa bệnh tại bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh, các cơ sở y tế như trung tâm kiểm soát bệnh tật, trung tâm y tế, bệnh viện đa khoa tuyến huyện, y tế thôn bản và các hoạt động y tế khác;
- a.4) Các trung tâm xã hội, trại xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác;
- a.5) Bảo tồn di sản, các hoạt động bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật, chiếu bóng và các hoạt động văn hóa khác;
- a.6) Phát thanh truyền hình và các hoạt động thông tin khác;
- a.7) Bồi dưỡng, huấn luyện, đào tạo huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh, tổ chức các giải thi đấu cấp tỉnh và cấp quốc gia, quản lý các cơ sở thi đấu thể dục thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác;
- a.8) Nghiên cứu khoa học công nghệ, ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, các hoạt động sự nghiệp khoa học công nghệ khác;
- a.9) Các hoạt động sự nghiệp thông tin truyền thông, phát thanh truyền hình;
- a.10) Các hoạt động sự nghiệp du lịch, gia đình.
- b) Các hoạt động sự nghiệp khác do tỉnh quản lý;
- c) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do tỉnh quản lý:
- c.1) Sự nghiệp giao thông: Công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất công trình đường bộ;
- c.2) Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi và lâm nghiệp; duy tu bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, công tác khuyến nông, khuyến lâm; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản;
- c.3) Sự nghiệp thị chính: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, các sự nghiệp thị chính khác;
- c.4) Các sự nghiệp kinh tế khác.
- d) Các nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường:
- d.1) Quản lý đất đai: Điều tra, đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh theo định kỳ và theo chuyên đề; lập, chỉnh lý bản đồ địa chính; thống kê đất đai; kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh; lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; điều tra thu thập thông tin xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, xác định giá đất cụ thể trên địa bàn tỉnh; lập bản đồ giá đất; đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; đăng ký biến động đất đai, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cập nhật biến động đất đai theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có); xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai;

d.2) Đo đạc bản đồ và viễn thám: Các hoạt động đo đạc bản đồ và viễn thám (thiết lập các điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng; xây dựng hệ thống không ảnh chuyên dụng; thành lập bản đồ hành chính cấp huyện, bản đồ chuyên đề phục vụ mục đích chuyên dụng); đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính theo quy định của pháp luật; xây dựng, quản lý thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ, địa giới hành chính; xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu viễn thám trên địa bàn tỉnh;

d.3) Địa chất và khoáng sản: Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác do cấp tỉnh quản lý; khoanh định khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền; lưu trữ, quản lý thông tin về khoáng sản do cấp tỉnh quản lý;

d.4) Tài nguyên nước: Điều tra, đánh giá tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước liên tỉnh trên địa bàn tỉnh; kiểm kê tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh; điều tra, tổng hợp hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải, khí thải, chất thải khác vào nguồn nước đối với nguồn nước nội tỉnh, nguồn nước trên địa bàn; xây dựng và duy trì hoạt động quan trắc, giám sát tài nguyên nước; xây dựng và duy trì cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán và các tác hại khác do nước gây ra thuộc phạm vi địa phương quản lý; các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phòng chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra ở nguồn nước nội tỉnh; xác định danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp do cấp tỉnh quản lý; xây dựng, cập nhật, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước;

d.5) Khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu: Hoạt động trạm quan trắc khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh; thu thập dữ liệu khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh; dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, truyền thông tin thiên tai do cấp tỉnh quản lý; giám sát biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh; xây dựng, quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh;

d.6) Lập, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch các lĩnh vực theo quy định của pháp luật;

d.7) Nhiệm vụ chi khác về quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, biển và hải đảo, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, viễn thám, đa dạng sinh học, chi khác (nếu có) do cấp tỉnh quản lý.

đ) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội phân giao cho cấp tỉnh quản lý theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

e) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam ở cấp tỉnh;

g) Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội thuộc tỉnh: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

h) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở cấp tỉnh theo quy định mà các tổ chức trên thực hiện hoạt động, nhiệm vụ do cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh giao thì được ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ;

i) Chi đảm bảo xã hội, thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do địa phương quản lý;

k) Phần chi thường xuyên trong các chương trình mục tiêu quốc gia do các cơ quan thuộc tỉnh thực hiện;

l) Chi phục vụ công tác thu phí, lệ phí của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập;

m) Kinh phí ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh theo quy định của pháp luật;

n) Trợ giá theo chính sách của nhà nước;

o) Các hoạt động sự nghiệp môi trường do cấp tỉnh quản lý;

p) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của cấp tỉnh.

4. Chi bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

5. Chi chuyển nguồn từ ngân sách tỉnh năm trước sang ngân sách tỉnh năm sau.

6. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

7. Đối với nhiệm vụ chi từ thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp tỉnh, phần thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh hưởng theo tỷ lệ điều tiết từ ngân sách huyện: Giao Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan, đơn vị tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh hàng năm phân bổ nguồn kinh phí này để thực hiện bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Phát triển đất tỉnh Thái Nguyên, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thái Nguyên, thực hiện dự án của tỉnh được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh.

Điều 8. Nhiệm vụ chi ngân sách cấp huyện

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn từ nguồn NSNN, nguồn thu tiền sử dụng đất theo phân cấp của tỉnh cho cấp huyện quản lý;

b) Phần chi đầu tư phát triển trong các chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo phân cấp của tỉnh;

c) Chi đầu tư xây dựng các trường phổ thông công lập các cấp, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông đô thị, vệ sinh đô thị và các công trình phúc lợi công cộng khác;

d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên:

a) Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, xã hội, văn hoá thông tin, phát thanh - truyền hình, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, các sự nghiệp khác do cấp huyện quản lý:

a.1) Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, bổ túc văn hoá, nhà trẻ, mẫu giáo, phổ thông dân tộc bán trú và các hoạt động giáo dục khác;

a.2) Trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm hướng nghiệp giáo dục nghề nghiệp;

a.3) Trung tâm chính trị cấp huyện, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác;

a.4) Các hoạt động y tế theo phân cấp của tỉnh;

a.5) Các hoạt động xã hội khác do cấp huyện quản lý;

a.6) Bảo tồn bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và các hoạt động văn hoá khác;

a.7) Phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác;

a.8) Bồi dưỡng, huấn luyện vận động viên các đội tuyển cấp huyện; các giải thi đấu cấp huyện; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác;

a.9) Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, các hoạt động sự nghiệp khoa học và công nghệ khác (không bao gồm nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ);

a.10) Các sự nghiệp khác do cấp huyện quản lý.

b) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cấp huyện quản lý:

b.1) Sự nghiệp giao thông: Duy tu bảo dưỡng, sửa chữa cầu đường và các công trình giao thông khác; lập biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến đường;

b.2) Sự nghiệp nông nghiệp, thuỷ lợi và lâm nghiệp: Duy tu các công trình thuỷ lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, công tác khuyến nông, khuyến lâm; chi khoan nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản;

b.3) Sự nghiệp thị chính: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên và các sự nghiệp thị chính khác;

b.4) Điều tra cơ bản;

b.5) Các nhiệm vụ chi hoạt động kinh tế về tài nguyên môi trường như quản lý đất đai (thống kê đất đai; kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện; lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện); đo đạc và bản đồ (thành lập bản đồ chuyên đề phục vụ mục đích chuyên dụng cấp huyện), địa chất và khoáng sản (bảo vệ khoáng sản chưa khai thác do cấp huyện quản lý; quản lý thông tin về khoáng sản do cấp huyện quản lý); tài nguyên nước (xây dựng và duy trì hệ thống cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng và các tác hại khác do nước gây ra thuộc phạm vi do cấp huyện quản lý; các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phòng, chống

suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra ở nguồn nước nội huyện; xác định danh mục hồ, ao, đầm phá không được san lấp do cấp huyện quản lý); khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu (truyền thông tin thiên tai do cấp huyện quản lý); nhiệm vụ chi khác về quản lý đất đai, đo đạc và bản đồ, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu, viễn thám, đa dạng sinh học; chi khác (nếu có) do cấp huyện quản lý;

b.6) Các sự nghiệp kinh tế khác.

c) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do ngân sách cấp huyện đảm bảo theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

d) Hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam ở cấp huyện;

đ) Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội thuộc huyện: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

e) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp ở huyện (nếu có);

g) Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do huyện quản lý;

h) Phần chi thường xuyên trong các chương trình mục tiêu quốc gia do tỉnh phân cấp cho các cơ quan cấp huyện thực hiện;

i) Các hoạt động về sự nghiệp môi trường;

k) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả gốc, lãi, phí các khoản vay thuộc nhiệm vụ ngân sách cấp huyện.

4. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.

5. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp huyện từ năm trước sang năm sau.

6. Ngoài các nhiệm vụ chi nêu trên, cấp huyện bố trí đủ kinh phí từ ngân sách địa phương theo phân cấp, bảo đảm dành tối thiểu 10% tổng số thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp, không sử dụng hết nguồn kinh phí báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh để thực hiện các nhiệm vụ chi ưu tiên cho đầu tư phát triển tại địa phương.

Điều 9. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn theo phân cấp của tỉnh;

b) Phần chi đầu tư phát triển trong các chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo phân cấp của tỉnh;

c) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của xã từ nguồn huy động đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho từng dự án cụ thể theo quy định của pháp luật, do Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định đưa vào ngân sách cấp xã quản lý;

d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên:

a) Các hoạt động về giáo dục do cấp xã quản lý;

b) Chi hoạt động văn hoá thông tin, thể dục, thể thao, phát thanh và các hoạt động thông tin khác do cấp xã quản lý;

c) Chi ứng dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ;

d) Các hoạt động về sự nghiệp môi trường do cấp xã quản lý;

đ) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cấp xã quản lý:

Quản lý đất đai: Thống kê, đăng ký đất đai; kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã; chỉnh lý hồ sơ địa chính, cập nhật biến động đất đai theo quyết định của cấp có thẩm quyền do cấp xã quản lý;

Địa chất và khoáng sản: Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác do cấp xã quản lý;

Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu: Truyền thông tin thiên tai do cấp xã quản lý;

e) Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội: Chi huấn luyện dân quân tự vệ; các khoản phụ cấp huy động dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi do ngân sách xã bảo đảm theo quy định; chi thực hiện việc đăng ký nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi ngân sách xã bảo đảm theo quy định của pháp luật; chi tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã; các khoản chi khác theo chế độ quy định;

g) Chi hoạt động của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam ở cấp xã;

h) Chi hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

i) Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho cán bộ xã và các đối tượng khác theo chế độ quy định;

k) Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do xã quản lý;

l) Chi hỗ trợ hoạt động, phụ cấp cho các đoàn thể, các đối tượng ở xóm, thôn, bản, tổ dân phố... theo quy định;

m) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn từ ngân sách cấp xã năm trước sang ngân sách xã, phường, thị trấn năm sau.

Chương III

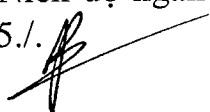
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ngành, cơ quan có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao để tổ chức triển khai thực hiện.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 11. Thời gian thực hiện: Niên độ ngân sách năm 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022 - 2025./.



Phụ lục I

**QUY ĐỊNH TỶ LỆ CHIẾT GIẢM CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG,
NGÂN SÁCH TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ
THEO KẾ HOẠCH ĐỊNH NGÂN SÁCH 2022 - 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



STT	Nội dung thu	Tổng số thu (%)	Phương án đề xuất		
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện
I	Các khoản thu về đất và thuế				
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương, địa phương				
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt	100		100	
2	Các khoản thu từ đơn vị vãng lai ngoại tỉnh là các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế thành phố Thái Nguyên và Chi cục Thuế khu vực quản lý	100		100	
3	Thuế giá trị gia tăng của các đơn vị vãng lai ngoại tỉnh thực hiện trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã do Chi cục Thuế thành phố Thái Nguyên và Chi cục Thuế khu vực quản lý (không bao gồm các đơn vị là các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh)	100			100
4	Thu doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt	100		100	
5	Thu từ khu vực dịch vụ ngoài quốc doanh				
a	Các doanh nghiệp do Cục Thuế tỉnh quản lý thu				
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt đối với các doanh nghiệp có trụ sở hoặc hoạt động trên địa bàn huyện	100		100	
b	Các doanh nghiệp do Chi cục Thuế thành phố Thái Nguyên và Chi cục Thuế khu vực quản lý thu				
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt	100			100
6	Thuế bảo vệ môi trường (trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hoá nhập khẩu)	100		100	
7	Thuế Thu nhập cá nhân				
	- Do Cục Thuế tỉnh quản lý thu	100		100	
	- Do Chi cục Thuế thành phố Thái Nguyên và Chi cục Thuế khu vực quản lý thu	100			100

STT	Nội dung thu	Tổng số thu (%)	Phương án đề xuất		
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện
8	Thu tiền cho thuê đất (không bao gồm ghi thu ghi chi)				
	- Các đơn vị do Cục Thuế tỉnh quản lý thu	100		100	
	- Các đơn vị do Chi cục Thuế thành phố Thái Nguyên và Chi cục Thuế khu vực quản lý thu	100			100
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	100			100
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	100			100
11	Thu tiền sử dụng đất (không bao gồm ghi thu ghi chi)				
	- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường); Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh	100		100	
	- Các khu tái định cư đầu tư bằng nguồn ngân sách tỉnh	100		100	
	- Thu tiền sử dụng đất từ các dự án khu dân cư, khu đô thị được chuyển mục đích từ đất sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sang đất ở				
	+ Thành phố Thái Nguyên và thị xã Phổ Yên	100		40	60
	+ Thành phố Sông Công, huyện Phú Bình	100		20	80
	+ Các huyện còn lại	100		10	90
	- Thu tiền sử dụng đất từ các dự án khu dân cư, khu đô thị không sử dụng vốn nhà nước thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (sau khi trừ đi các khoản được trừ theo quy định)				
	+ Thành phố Thái Nguyên và thị xã Phổ Yên	100		40	60
	+ Thành phố Sông Công, huyện Phú Bình	100		20	80
	+ Các huyện còn lại	100		10	90
	- Các khu tái định cư đầu tư bằng nguồn ngân sách cấp huyện	100			100
	- Thu tiền sử dụng đất còn lại trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã	100		10	90
II	Các khoản thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp và thu khác				
1	Thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản				
	- Do Cục Thuế tỉnh quản lý thu (*)	100		70	30
	- Do Chi cục Thuế thành phố Thái Nguyên và Chi cục Thuế khu vực quản lý thu	100			100
2	Lệ phí trước bạ	100			100
3	Lệ phí môn bài	100			100
4	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản				

STT	Nội dung thu	Tổng số thu (%)	Phương án đề xuất		
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện
	- Đối với giấy phép do trung ương cấp	100	70	30	
	- Đối với giấy phép do địa phương cấp	100		100	
5	Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa				
	- Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh	100		100	
	- Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã và các dự án thực hiện theo phương thức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (*)	100		50	50
6	Thu phạt, tịch thu				
	- Do cơ quan trung ương xử lý	100	100		
	- Do cơ quan cấp tỉnh xử lý	100		100	
	- Do cơ quan cấp huyện, cấp xã xử lý	100			100
7	Thu tiền chậm nộp				
	- Từ các đơn vị, cá nhân do Cục thuế quản lý thu và các đơn vị thuộc cấp trung ương quản lý thu nhưng địa phương được hưởng.	100		100	
	- Từ các đơn vị, cá nhân do Chi cục Thuế Thành phố Thái Nguyên và Chi cục Thuế khu vực quản lý thu	100			100
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	100		100	
9	Các khoản phí, lệ phí còn lại, thu sự nghiệp và thu khác (phần nộp ngân sách nhà nước sau khi đã trừ các khoản chi phí để lại cho đơn vị thu theo quy định): Thực hiện tỷ lệ điều tiết theo quy định hiện hành của từng loại thu.				
10	Đối với các khoản huy động đóng góp, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, viện trợ không hoàn lại cho ngân sách cấp nào, ngân sách cấp đó hưởng 100% theo quy định				
11	Đối với các khoản ghi thu - ghi chi phát sinh tại đơn vị cấp nào thì ghi thu vào ngân sách cấp đó hưởng 100%				

Ghi chú: (*) cấp bổ sung theo số thực tế phát sinh nộp vào ngân sách.

STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách các phường (*)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách các phường còn lại	Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã Quyết Thắng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách các xã còn lại
	+ Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản		90	10		60	40		80	20		10	90
	+ Các khoản thuế thu nhập cá nhân còn lại		100			100			100			100	
8	Thu tiền cho thuê đất (không bao gồm ghi thu ghi chi)												
	- Các đơn vị do Cục Thuế tỉnh quản lý thu	100			100			100				100	
	- Các đơn vị do Chi cục Thuế thành phố Thái Nguyên quản lý thu		100			100			100			100	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100			100			100			100
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		90	10		50	50		50	50			100
11	Thu tiền sử dụng đất (không bao gồm ghi thu ghi chi)												
	- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường); Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh	100			100			100				100	
	- Các khu tái định cư đầu tư bằng nguồn ngân sách tỉnh	100			100			100				100	
	- Thu tiền sử dụng đất từ các dự án khu dân cư, khu đô thị được chuyển mục đích từ đất sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sang đất ở	40	60		40	60		40	60		40	60	
	- Thu tiền sử dụng đất từ các dự án khu dân cư, khu đô thị không sử dụng vốn nhà nước thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (sau khi trừ đi các khoản được trừ (theo quy định)	40	60		40	60		40	60		40	60	
	- Các khu tái định cư đầu tư bằng nguồn ngân sách cấp thành phố		100			100			100			100	
	- Thu tiền sử dụng đất còn lại trên địa bàn thành phố	10	90		10	90		10	90		10	90	
II	Các khoản thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp và thu khác												
1	Thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản												
	- Do Cục Thuế tỉnh quản lý thu (**)	70	30		70	30		70	30		70	30	
	- Do Chi cục Thuế thành phố Thái Nguyên quản lý thu		100			100			100			100	
2	Lệ phí trước bạ		90	10		60	40		80	20			100
3	Lệ phí môn bài												
	- Lệ phí môn bài thu từ hộ, cá nhân kinh doanh			100			100			100			100
	- Lệ phí môn bài thu từ doanh nghiệp		100			100			100			100	
4	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản												
	- Đối với giấy phép do trung ương cấp	100			100			100			100		
	- Đối với giấy phép do địa phương cấp	100			100			100			100		

STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách các phường (*)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách các phường còn lại	Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã Quyết Thắng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách các xã còn lại
5	Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa												
	- Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh	100			100			100			100		
	- Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Ủy ban nhân dân thành phố và các dự án thực hiện theo phương thức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (**)	50	50		50	50		50	50		50	50	
6	Thu phạt, tịch thu												
	- Do cơ quan cấp tỉnh xử lý	100			100			100			100		
	- Do cơ quan cấp thành phố xử lý		100			100			100			100	
	- Do cơ quan cấp xã xử lý			100			100			100			100
7	Thu tiền chậm nộp												
	- Từ các đơn vị, cá nhân do Cục thuế tỉnh quản lý thu và các đơn vị thuộc cấp trung ương quản lý thu nhưng địa phương được hưởng.	100			100			100			100		
	- Từ các đơn vị, cá nhân do Chi cục Thuế thành phố Thái Nguyên quản lý thu		100			100			100			100	
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	100			100			100			100		
9	Các khoản phí, lệ phí còn lại, thu sự nghiệp và thu khác: Thực hiện tỷ lệ điều tiết theo quy định hiện hành của từng loại thu. Đơn vị thuộc ngân sách cấp nào thu, nộp ngân sách, ngân sách cấp đó hưởng 100%												
10	Đối với các khoản huy động đóng góp, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, viện trợ không hoàn lại cho ngân sách cấp nào, ngân sách cấp đó hưởng 100% theo quy định												
11	Đối với các khoản ghi thu - ghi chi phát sinh tại đơn vị cấp nào thì ghi thu vào ngân sách cấp đó hưởng 100%												

Ghi chú: (*) Gồm: Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng, Quang Trung, Thịnh Đán, Trưng Vương, Gia Sàng, Tân Lập, Đồng Quang, Túc Duyên

(**) cấp bổ sung theo số thực tế phát sinh nộp vào ngân sách.

Phụ lục III

**QUY ĐỊNH TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT CÁC KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH 2022-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách các phường	Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách các xã còn lại
I	Các khoản thu về đất và thuế						
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương, địa phương						
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt	100			100		
2	Các khoản thu từ đơn vị vãng lai ngoại tỉnh là các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế khu vực quản lý	100			100		
3	Thuế giá trị gia tăng của các đơn vị vãng lai ngoại tỉnh thực hiện trên địa bàn thành phố do Chi cục Thuế khu vực quản lý (không bao gồm các đơn vị là các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh)		100			100	
4	Thu doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt	100			100		
5	Thu từ khu vực dịch vụ ngoài quốc doanh						
a	Các doanh nghiệp do Cục Thuế tỉnh quản lý thu						

STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách các phường	Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách các xã còn lại
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt đối với các doanh nghiệp có trụ sở hoặc hoạt động trên địa bàn thành phố	100			100		
b	Các doanh nghiệp do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu						
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt		90	10		50	50
-	Thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, tài nguyên từ các hộ cá nhân kinh doanh		90	10		50	50
6	Thuế bảo vệ môi trường (trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hoá nhập khẩu)	100			100		
7	Thuế Thu nhập cá nhân						
	- Do Cục Thuế tỉnh quản lý thu	100			100		
	- Do Chi Cục Thuế khu vực quản lý thu		100			100	
8	Thu tiền cho thuê đất (không bao gồm ghi thu ghi chi)						
	- Các đơn vị do Cục Thuế tỉnh quản lý thu	100			100		
	- Các đơn vị do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu		100			100	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100			100
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		70	30		30	70
11	Thu tiền sử dụng đất (không bao gồm ghi thu ghi chi)						
	- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường); Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh	100			100		

STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách các phường	Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách các xã còn lại
	- Các khu tái định cư đầu tư bằng nguồn ngân sách tỉnh	100			100		
	- Thu tiền sử dụng đất từ các dự án khu dân cư, khu đô thị được chuyển mục đích từ đất sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sang đất ở	20	80		20	80	
	- Thu tiền sử dụng đất từ các dự án khu dân cư, khu đô thị không sử dụng vốn nhà nước thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (sau khi trừ đi các khoản được trừ theo quy định)	20	80		20	80	
	- Các khu tái định cư đầu tư bằng nguồn ngân sách cấp thành phố		100			100	
	- Thu tiền sử dụng đất còn lại trên địa bàn thành phố	10	90		10	90	
II	Các khoản thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp và thu khác						
1	Thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản						
	- Do Cục Thuế tỉnh quản lý thu (*)	70	30		70	30	
	- Do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu		100			100	
2	Lệ phí trước bạ						
	- Lệ phí trước bạ nhà đất		90	10		50	50
	- Lệ phí còn lại		100			100	
3	Lệ phí môn bài						
	- Lệ phí môn bài thu từ hộ, cá nhân kinh doanh			100			100
	- Lệ phí môn bài thu từ doanh nghiệp		100			100	
4	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản						
	- Đối với giấy phép do trung ương cấp	100			100		

STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách các phường	Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách các xã còn lại
	- Đối với giấy phép do địa phương cấp	100			100		
5	Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa						
	- Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh	100			100		
	- Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Ủy ban nhân dân thành phố và các dự án thực hiện theo phương thức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (*)	50	50		50	50	
6	Thu phạt, tịch thu						
	- Do cơ quan cấp tỉnh xử lý	100			100		
	- Do cơ quan cấp thành phố xử lý		100			100	
	- Do cơ quan cấp xã xử lý			100			100
7	Thu tiền chậm nộp						
	- Từ các đơn vị, cá nhân do Cục thuế tỉnh quản lý thu và các đơn vị thuộc cấp trung ương quản lý thu nhưng địa phương được hưởng.	100			100		
	- Từ các đơn vị, cá nhân do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu		100			100	
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	100			100		
10	Các khoản phí, lệ phí còn lại, thu sự nghiệp và thu khác: Thực hiện tỷ lệ điều tiết theo quy định hiện hành của từng loại thu. Đơn vị thuộc ngân sách cấp nào thu, nộp ngân sách, ngân sách cấp đó hưởng 100%						
11	Đối với các khoản huy động đóng góp, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, viện trợ không hoàn lại cho ngân sách cấp nào, ngân sách cấp đó hưởng 100% theo quy định						
12	Đối với các khoản ghi thu - ghi chi phát sinh tại đơn vị cấp nào thì ghi thu vào ngân sách cấp đó hưởng 100%						

Ghi chú: (*) cấp bổ sung theo số thực tế phát sinh nộp vào ngân sách.

Phụ lục IV

QUY ĐỊNH TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT CÁC KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ PHỔ YÊN THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH 2022-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thị xã	Ngân sách phường Ba Hàng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách thị xã	Ngân sách các xã, phường còn lại
I	Các khoản thu về đất và thuế						
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương, địa phương						
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt	100			100		
2	Các khoản thu từ đơn vị vãng lai ngoại tỉnh là các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế khu vực quản lý	100			100		
3	Thuế giá trị gia tăng của các đơn vị vãng lai ngoại tỉnh thực hiện trên địa bàn thị xã do Chi cục Thuế khu vực quản lý (không bao gồm các đơn vị là các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh)		100			100	
4	Thu doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt	100			100		
5	Thu từ khu vực dịch vụ ngoài quốc doanh						
a	Các doanh nghiệp do Cục Thuế tỉnh quản lý thu						

STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thị xã	Ngân sách phường Ba Hàng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách thị xã	Ngân sách các xã, phường còn lại
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt đối với các doanh nghiệp có trụ sở hoặc hoạt động trên địa bàn thị xã	100			100		
b	Các doanh nghiệp do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu						
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt		100			100	
-	Thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, tài nguyên từ các hộ cá nhân kinh doanh		90	10		30	70
6	Thuế bảo vệ môi trường (trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hoá nhập khẩu)	100			100		
7	Thuế Thu nhập cá nhân						
	- Do Cục Thuế tỉnh quản lý thu	100			100		
	- Do Chi Cục Thuế khu vực quản lý thu		100			100	
8	Thu tiền cho thuê đất (không bao gồm ghi thu ghi chi)						
	- Các đơn vị do Cục Thuế tỉnh quản lý thu	100			100		
	- Các đơn vị do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu		100			100	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100			100
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		30	70			100
11	Thu tiền sử dụng đất (không bao gồm ghi thu ghi chi)						
	- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường); Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh	100			100		

STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thị xã	Ngân sách phường Ba Hàng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách thị xã	Ngân sách các xã, phường còn lại
	- Các khu tái định cư đầu tư bằng nguồn ngân sách tỉnh	100			100		
	- Thu tiền sử dụng đất từ các dự án khu dân cư, khu đô thị được chuyển mục đích từ đất sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sang đất ở	40	60		40	60	
	- Thu tiền sử dụng đất từ các dự án khu dân cư, khu đô thị không sử dụng vốn nhà nước thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (sau khi trừ đi các khoản được trừ theo quy định)	40	60		40	60	
	- Các khu tái định cư đầu tư bằng nguồn ngân sách cấp thị xã		100			100	
	- Thu tiền sử dụng đất còn lại trên địa bàn thị xã	10	90		10	90	
II	Các khoản thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp và thu khác						
1	Thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản						
	- Do Cục Thuế tỉnh quản lý thu (*)	70	30		70	30	
	- Do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu		100			100	
2	Lệ phí trước bạ						
	- Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy		100			100	
	- Lệ phí trước bạ nhà đất và tài sản khác		90	10		70	30
3	Lệ phí môn bài						
	- Lệ phí môn bài thu từ hộ, cá nhân kinh doanh			100			100

STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thị xã	Ngân sách phường Ba Hàng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách thị xã	Ngân sách các xã, phường còn lại
	- Lệ phí môn bài thu từ doanh nghiệp		100			100	
4	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản						
	- Đối với giấy phép do Trung ương cấp	100			100		
	- Đối với giấy phép do địa phương cấp	100			100		
5	Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa						
	- Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh	100			100		
	- Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Ủy ban nhân dân thị xã và các dự án thực hiện theo phương thức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (*)	50	50		50	50	
6	Thu phạt, tịch thu						
	- Do cơ quan cấp tỉnh xử lý	100			100		
	- Do cơ quan cấp thị xã xử lý		100			100	
	- Do cơ quan cấp xã xử lý			100			100
7	Thu tiền chậm nộp						
	- Từ các đơn vị, cá nhân do Cục thuế tỉnh quản lý thu và các đơn vị thuộc cấp trung ương quản lý thu nhưng địa phương được hưởng.	100			100		
	- Từ các đơn vị, cá nhân do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu		100			100	
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	100			100		

STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thị xã	Ngân sách phường Ba Hàng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách thị xã	Ngân sách các xã, phường còn lại
9	Các khoản phí, lệ phí còn lại, thu sự nghiệp và thu khác: Thực hiện tỷ lệ điều tiết theo quy định hiện hành của từng loại thu. Đơn vị thuộc ngân sách cấp nào thu, nộp ngân sách, ngân sách cấp đó hưởng 100%						
10	Đối với các khoản huy động đóng góp, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, viện trợ không hoàn lại cho ngân sách cấp nào, ngân sách cấp đó hưởng 100% theo quy định						
11	Đối với các khoản ghi thu - ghi chi phát sinh tại đơn vị cấp nào thì ghi thu vào ngân sách cấp đó hưởng 100%						

Ghi chú: (*) cấp bổ sung theo số thực tế phát sinh nộp vào ngân sách.

Phụ lục V

**QUY ĐỊNH TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT CÁC KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TẠI TỪ THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH 2022-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách Thị trấn Hùng Sơn	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Thị trấn Quân Chu và các xã còn lại
I	Các khoản thu về đất và thuế						
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương, địa phương						
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt	100			100		
2	Các khoản thu từ đơn vị vãng lai ngoại tỉnh là các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế khu vực quản lý	100			100		
3	Thuế giá trị gia tăng của các đơn vị vãng lai ngoại tỉnh thực hiện trên địa bàn huyện do Chi cục Thuế khu vực quản lý (không bao gồm các đơn vị là các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh)		100			100	
4	Thu doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt	100			100		
5	Thu từ khu vực dịch vụ ngoài quốc doanh						
a	Các doanh nghiệp do Cục Thuế tỉnh quản lý thu						
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt đối với các doanh nghiệp có trụ sở hoặc hoạt động trên địa bàn huyện	100			100		
b	Các doanh nghiệp do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu						

STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách Thị trấn Hùng Sơn	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Thị trấn Quân Chu và các xã còn lại
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt		100			100	
	Thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, tài nguyên từ các hộ cá nhân kinh doanh		20	80			100
6	Thuế bảo vệ môi trường (trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hoá nhập khẩu)	100			100		
7	Thuế Thu nhập cá nhân						
	- Do Cục Thuế tỉnh quản lý thu	100			100		
	- Do Chi Cục Thuế khu vực quản lý thu		70	30		100	
8	Thu tiền cho thuê đất (không bao gồm ghi thu ghi chi)						
	- Các đơn vị do Cục Thuế tỉnh quản lý thu	100			100		
	- Các đơn vị do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu		100			100	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100			100
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			100			100
11	Thu tiền sử dụng đất (không bao gồm ghi thu ghi chi)						
	- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường); Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh	100			100		
	- Các khu tái định cư đầu tư bằng nguồn ngân sách tỉnh	100			100		
	- Thu tiền sử dụng đất từ các dự án khu dân cư, khu đô thị được chuyển mục đích từ đất sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sang đất ở	10	90		10	90	
	- Thu tiền sử dụng đất từ các dự án khu dân cư, khu đô thị không sử dụng vốn nhà nước thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (sau khi trừ đi các khoản được trừ theo quy định)	10	90		10	90	
	- Các khu tái định cư đầu tư bằng nguồn ngân sách cấp huyện		100			100	

STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách Thị trấn Hùng Sơn	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Thị trấn Quân Chu và các xã còn lại
	- Thu tiền sử dụng đất còn lại trên địa bàn huyện	10	90		10	90	
II	Các khoản thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp và thu khác						
1	Thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản						
	- Do Cục Thuế tỉnh quản lý thu (*)	70	30		70	30	
	- Do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu		100				100
2	Lệ phí trước bạ						
	- Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy và tài sản khác		100			100	
	- Lệ phí trước bạ nhà đất		20	80			100
3	Lệ phí môn bài						
	- Lệ phí môn bài thu từ hộ, cá nhân kinh doanh			100			100
	- Lệ phí môn bài thu từ doanh nghiệp		100			100	
4	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản						
	- Đối với giấy phép do trung ương cấp	100			100		
	- Đối với giấy phép do địa phương cấp	100			100		
5	Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa						
	- Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh	100			100		
	- Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện và các dự án thực hiện theo phương thức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (*)	50	50		50	50	
6	Thu phạt, tịch thu						
	- Do cơ quan cấp tỉnh xử lý	100			100		
	- Do cơ quan cấp huyện xử lý		100			100	
	- Do cơ quan cấp xã xử lý			100			100

STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách Thị trấn Hùng Sơn	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Thị trấn Quân Chu và các xã còn lại
7	Thu tiền chậm nộp						
	- Từ các đơn vị, cá nhân do Cục thuế tỉnh quản lý thu và các đơn vị thuộc cấp trung ương quản lý thu nhưng địa phương được hưởng.	100			100		
	- Từ các đơn vị, cá nhân do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu		100			100	
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	100			100		
9	Các khoản phí, lệ phí còn lại, thu sự nghiệp và thu khác: Thực hiện tỷ lệ điều tiết theo quy định hiện hành của từng loại thu. Đơn vị thuộc ngân sách cấp nào thu, nộp ngân sách, ngân sách cấp đó hưởng 100%						
10	Đối với các khoản huy động đóng góp, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, viện trợ không hoàn lại cho ngân sách cấp nào, ngân sách cấp đó hưởng 100% theo quy định						
11	Đối với các khoản ghi thu - ghi chi phát sinh tại đơn vị cấp nào thì ghi thu vào ngân sách cấp đó hưởng 100%						

Ghi chú: (*) cấp bổ sung theo số thực tế phát sinh nộp vào ngân sách.

Phụ lục VI

QUY ĐỊNH TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT CÁC KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN WŨ NHAH THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH 2022-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách thị trấn Đình Cả	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách các xã còn lại
I	Các khoản thu về đất và thuế						
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương, địa phương						
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt	100			100		
2	Các khoản thu từ đơn vị vắng lai ngoại tỉnh là các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế khu vực quản lý	100			100		
3	Thuế giá trị gia tăng của các đơn vị vắng lai ngoại tỉnh thực hiện trên địa bàn huyện do Chi cục Thuế khu vực quản lý (không bao gồm các đơn vị là các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh)		100			100	
4	Thu doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt	100			100		
5	Thu từ khu vực dịch vụ ngoài quốc doanh						

STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách thị trấn Đình Cả	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách các xã còn lại
a	Các doanh nghiệp do Cục Thuế tỉnh quản lý thu						
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt đối với các doanh nghiệp có trụ sở hoặc hoạt động trên địa bàn huyện	100			100		
b	Các doanh nghiệp do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu						
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt		100			100	
6	Thuế bảo vệ môi trường (trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hoá nhập khẩu)	100			100		
7	Thuế Thu nhập cá nhân						
	- Do Cục Thuế tỉnh quản lý thu	100			100		
	- Do Chi Cục Thuế khu vực quản lý thu		50	50		50	50
8	Thu tiền cho thuê đất (không bao gồm ghi thu ghi chi)						
	- Các đơn vị do Cục Thuế tỉnh quản lý thu	100			100		
	- Các đơn vị do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu		100			100	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		100			100	
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		100			100	
11	Thu tiền sử dụng đất (không bao gồm ghi thu ghi chi)						
	- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường); Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh	100			100		

STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách thị trấn Đình Cả	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách các xã còn lại
	- Các khu tái định cư đầu tư bằng nguồn ngân sách tỉnh	100			100		
	- Thu tiền sử dụng đất từ các dự án khu dân cư, khu đô thị được chuyển mục đích từ đất sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sang đất ở	10	45	45	10	45	45
	- Thu tiền sử dụng đất từ các dự án khu dân cư, khu đô thị không sử dụng vốn nhà nước thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (sau khi trừ đi các khoản được trừ theo quy định)	10	45	45	10	45	45
	- Các khu tái định cư đầu tư bằng nguồn ngân sách cấp huyện		100			100	
	- Thu tiền sử dụng đất còn lại trên địa bàn huyện	10	45	45	10	45	45
II	Các khoản thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp và thu khác						
1	Thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản						
	- Do Cục Thuế tỉnh quản lý thu (*)	70	30		70	30	
	- Do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu		100			100	
2	Lệ phí trước bạ						
	- Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy		100			100	
	- Lệ phí trước bạ nhà đất và tài sản khác		90	10		50	50
3	Lệ phí môn bài						
	- Lệ phí môn bài thu từ hộ, cá nhân kinh doanh			100			100

STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách thị trấn Đình Cả	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách các xã còn lại
	- Lệ phí môn bài thu từ doanh nghiệp		100			100	
4	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản						
	- Đối với giấy phép do trung ương cấp	100			100		
	- Đối với giấy phép do địa phương cấp	100			100		
5	Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (*)						
	- Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh	100			100		
	- Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện và các dự án thực hiện theo phương thức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	50	50		50	50	
6	Thu phạt, tịch thu						
	- Do cơ quan cấp tỉnh xử lý	100			100		
	- Do cơ quan cấp huyện xử lý		100			100	
	- Do cơ quan cấp xã xử lý			100			100
7	Thu tiền chậm nộp						
	- Từ các đơn vị, cá nhân do Cục thuế tỉnh quản lý thu và các đơn vị thuộc cấp trung ương quản lý thu nhưng địa phương được hưởng.	100			100		
	- Từ các đơn vị, cá nhân do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu		100			100	
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	100			100		

STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách thị trấn Đình Cả	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách các xã còn lại
9	Các khoản phí, lệ phí còn lại, thu sự nghiệp và thu khác: Thực hiện tỷ lệ điều tiết theo quy định hiện hành của từng loại thu. Đơn vị thuộc ngân sách cấp nào thu, nộp ngân sách, ngân sách cấp đó hưởng 100%						
10	Đối với các khoản huy động đóng góp, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, viện trợ không hoàn lại cho ngân sách cấp nào, ngân sách cấp đó hưởng 100% theo quy định						
11	Đối với các khoản ghi thu - ghi chi phát sinh tại đơn vị cấp nào thì ghi thu vào ngân sách cấp đó hưởng 100%						

Ghi chú: (*) cấp bổ sung theo số thực tế phát sinh nộp vào ngân sách.

Phụ lục VII

QUY ĐỊNH TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT CÁC KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐỒNG HỖ THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH 2022-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Xã Hóa Thượng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách các xã, thị trấn
I	Các khoản thu về đất và thuế						
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương, địa phương						
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt	100			100		
2	Các khoản thu từ đơn vị vãng lai ngoại tỉnh là các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế khu vực quản lý	100			100		
3	Thuế giá trị gia tăng của các đơn vị vãng lai ngoại tỉnh thực hiện trên địa bàn huyện do Chi cục Thuế khu vực quản lý (không bao gồm các đơn vị là các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh)		100			100	
4	Thu doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt	100			100		
5	Thu từ khu vực dịch vụ ngoài quốc doanh						
a	Các doanh nghiệp do Cục Thuế tỉnh quản lý thu						
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt đối với các doanh nghiệp có trụ sở hoặc hoạt động trên địa bàn huyện	100			100		
b	Các doanh nghiệp do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu						
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt		100			100	
	Thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, tài nguyên từ các hộ cá nhân kinh doanh		70	30			100
6	Thuế bảo vệ môi trường (trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hoá nhập khẩu)	100			100		
7	Thuế Thu nhập cá nhân						
	- Do Cục Thuế tỉnh quản lý thu	100			100		

STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Xã Hóa Thượng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách các xã, thị trấn
	- Do Chi Cục Thuế khu vực quản lý thu		100			100	
8	Thu tiền cho thuê đất (không bao gồm ghi thu ghi chi)						
	- Các đơn vị do Cục Thuế tỉnh quản lý thu	100			100		
	- Các đơn vị do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu		100			100	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100			100
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			100			100
11	Thu tiền sử dụng đất (không bao gồm ghi thu ghi chi)						
	- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường); Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh	100			100		
	- Các khu tái định cư đầu tư bằng nguồn ngân sách tỉnh	100			100		
	- Thu tiền sử dụng đất từ các dự án khu dân cư, khu đô thị được chuyển mục đích từ đất sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sang đất ở	10	90		10	90	
	- Thu tiền sử dụng đất từ các dự án khu dân cư, khu đô thị không sử dụng vốn nhà nước thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (sau khi trừ đi các khoản được trừ theo quy định)	10	90		10	90	
	- Các khu tái định cư đầu tư bằng nguồn ngân sách cấp huyện		100			100	
	- Thu tiền sử dụng đất còn lại trên địa bàn huyện	10	90		10	90	
II	Các khoản thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp và thu khác						
1	Thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản						
	- Do Cục Thuế tỉnh quản lý thu (*)	70	30		70	30	
	- Do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu		100			100	
2	Lệ phí trước bạ						
	- Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy		100			100	
	- Lệ phí trước bạ nhà đất và tài sản khác		80	20		50	50
3	Lệ phí môn bài						
	- Lệ phí môn bài thu từ hộ, cá nhân kinh doanh			100			100
	- Lệ phí môn bài thu từ doanh nghiệp		100			100	

STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Xã Hóa Thượng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách các xã, thị trấn
4	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản						
	- Đối với giấy phép do trung ương cấp	100			100		
	- Đối với giấy phép do địa phương cấp	100			100		
5	Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (*)						
	- Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh	100			100		
	- Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện và các dự án thực hiện theo phương thức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	50	50		50	50	
6	Thu phạt, tịch thu						
	- Do cơ quan cấp tỉnh xử lý	100			100		
	- Do cơ quan cấp huyện xử lý		100			100	
	- Do cơ quan cấp xã xử lý			100			100
7	Thu tiền chậm nộp						
	- Từ các đơn vị, cá nhân do Cục thuế tỉnh quản lý thu và các đơn vị thuộc cấp trung ương quản lý thu nhưng địa phương được hưởng.	100			100		
	- Từ các đơn vị, cá nhân do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu		100			100	
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	100			100		
9	Các khoản phí, lệ phí còn lại, thu sự nghiệp và thu khác: Thực hiện tỷ lệ điều tiết theo quy định hiện hành của từng loại thu. Đơn vị thuộc ngân sách cấp nào thu, nộp ngân sách, ngân sách cấp đó hưởng 100%						
10	Đối với các khoản huy động đóng góp, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, viện trợ không hoàn lại cho ngân sách cấp nào, ngân sách cấp đó hưởng 100% theo quy định						
11	Đối với các khoản ghi thu - ghi chi phát sinh tại đơn vị cấp nào thì ghi thu vào ngân sách cấp đó hưởng 100%						

Ghi chú: (*) cấp bổ sung theo số thực tế phát sinh nộp vào ngân sách.

STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	NS thị trấn Chợ Chu	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	NS các xã (*)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	NS các xã còn lại (**)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt đối với các doanh nghiệp có trụ sở hoặc hoạt động trên địa bàn huyện	100			100			100		
b	Các doanh nghiệp do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu									
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt		100			100			100	
-	Thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, tài nguyên từ các hộ cá nhân kinh doanh		80	20			100			100
6	Thuế bảo vệ môi trường (trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hoá nhập khẩu)	100			100			100		
7	Thuế Thu nhập cá nhân									
	- Do Cục Thuế tỉnh quản lý thu	100			100			100		
	- Do Chi Cục Thuế khu vực quản lý thu		100			100			100	
8	Thu tiền cho thuê đất (không bao gồm ghi thu ghi chi)									
	- Các đơn vị do Cục Thuế tỉnh quản lý thu	100			100			100		
	- Các đơn vị do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu		100			100			100	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100			100			100
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		30	70			100			100
11	Thu tiền sử dụng đất (không bao gồm ghi thu ghi chi)									
	- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường); Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh	100			100			100		
	- Các khu tái định cư đầu tư bằng nguồn ngân sách tỉnh	100			100			100		

STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	NS thị trấn Chợ Chu	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	NS các xã (*)	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	NS các xã còn lại (**)
	- Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh	100			100			100		
	- Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện và các dự án thực hiện theo phương thức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	50	50		50	50		50	50	
6	Thu phạt, tịch thu									
	- Do cơ quan cấp tỉnh xử lý	100			100			100		
	- Do cơ quan cấp huyện xử lý		100			100			100	
	- Do cơ quan cấp xã xử lý			100			100			100
7	Thu tiền chậm nộp									
	- Từ các đơn vị, cá nhân do Cục thuế tỉnh quản lý thu và các đơn vị thuộc cấp trung ương quản lý thu nhưng địa phương được hưởng.	100			100			100		
	- Từ các đơn vị, cá nhân do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu		100			100			100	
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	100			100			100		
9	Các khoản phí, lệ phí còn lại, thu sự nghiệp và thu khác: Thực hiện tỷ lệ điều tiết theo quy định hiện hành của từng loại thu. Đơn vị thuộc ngân sách cấp nào thu, nộp ngân sách, ngân sách cấp đó hưởng 100%									
10	Đối với các khoản huy động đóng góp, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, viện trợ không hoàn lại cho ngân sách cấp nào, ngân sách cấp đó hưởng 100% theo quy định									
11	Đối với các khoản ghi thu - ghi chi phát sinh tại đơn vị cấp nào thì ghi thu vào ngân sách cấp đó hưởng 100%									

Ghi chú: (*) Bao gồm các xã: Phú Tiến, Trung Hội, Bảo Cường, Kim Sơn, Quy Kỳ, Trung Lương, Bình Yên, Sơn Phú, Bình Thành, Diêm Mặc, Phú Đình, Lam Vĩ, Bảo Linh

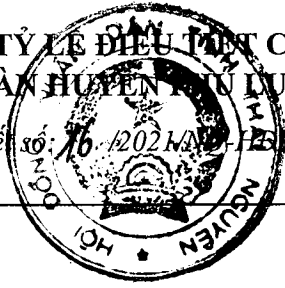
(**) Bao gồm các xã: Tân Thịnh, Bộc Nhiêu, Thanh Định, Kim Phượng, Linh Thông, Phúc Chu, Tân Dương, Đồng Thịnh, Phượng Tiến, Định Biên

(***) Cấp bổ sung theo số thực tế phát sinh nộp vào ngân sách.

Phụ lục số IX

**QUY ĐỊNH TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT CÁC KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THÁI NGUYÊN THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH 2022-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	NS thị trấn Giang Tiên, Đu	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách các xã còn lại
I	Các khoản thu về đất và thuế						
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương, địa phương						
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt	100			100		
2	Các khoản thu từ đơn vị vãng lai ngoại tỉnh là các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế khu vực quản lý	100			100		
3	Thuế giá trị gia tăng của các đơn vị vãng lai ngoại tỉnh thực hiện trên địa bàn huyện do Chi cục Thuế khu vực quản lý (không bao gồm các đơn vị là các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh)		100			100	
4	Thu doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt	100			100		
5	Thu từ khu vực dịch vụ ngoài quốc doanh						
a	Các doanh nghiệp do Cục Thuế tỉnh quản lý thu						
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt đối với các doanh nghiệp có trụ sở hoặc hoạt động trên địa bàn huyện	100			100		
b	Các doanh nghiệp do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu						

STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	NS thị trấn Giang Tiên, Đu	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách các xã còn lại
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt		100			100	
	Thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, tài nguyên từ các hộ cá nhân kinh doanh		80	20			100
6	Thuế bảo vệ môi trường (trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hoá nhập khẩu)	100			100		
7	Thuế Thu nhập cá nhân						
	- Do Cục Thuế tỉnh quản lý thu	100			100		
	- Do Chi Cục Thuế khu vực quản lý thu		70	30		50	50
8	Thu tiền cho thuê đất (không bao gồm ghi thu ghi chi)						
	- Các đơn vị do Cục Thuế tỉnh quản lý thu	100			100		
	- Các đơn vị do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu		100			100	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100			100
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		30	70			100
11	Thu tiền sử dụng đất (không bao gồm ghi thu ghi chi)						
	- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường); Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh	100			100		
	- Các khu tái định cư đầu tư bằng nguồn ngân sách tỉnh	100			100		
	- Thu tiền sử dụng đất từ các dự án khu dân cư, khu đô thị được chuyển mục đích từ đất sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sang đất ở	10	90		10	90	
	- Thu tiền sử dụng đất từ các dự án khu dân cư, khu đô thị không sử dụng vốn nhà nước thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (sau khi trừ đi các khoản được trừ theo quy định)	10	90		10	90	
	- Các khu tái định cư đầu tư bằng nguồn ngân sách cấp huyện		100			100	

STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	NS thị trấn Giang Tiên, Đu	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách các xã còn lại
	- Thu tiền sử dụng đất còn lại trên địa bàn huyện	10	90		10	90	
II	Các khoản thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp và thu khác						
1	Thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản						
	- Do Cục Thuế tỉnh quản lý thu (*)	70	30		70	30	
	- Do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu		100			100	
2	Lệ phí trước bạ						
	- Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy		100			100	
	- Lệ phí trước bạ nhà đất và tài sản khác		70	30		50	50
3	Lệ phí môn bài						
	- Lệ phí môn bài thu từ hộ, cá nhân kinh doanh			100			100
	- Lệ phí môn bài thu từ doanh nghiệp		100			100	
4	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản						
	- Đối với giấy phép do trung ương cấp	100			100		
	- Đối với giấy phép do địa phương cấp	100			100		
5	Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (*)						
	- Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh	100			100		
	- Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện và các dự án thực hiện theo phương thức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	50	50		50	50	
6	Thu phạt, tịch thu						
	- Do cơ quan cấp tỉnh xử lý	100			100		
	- Do cơ quan cấp huyện xử lý		100			100	
	- Do cơ quan cấp xã xử lý			100			100
7	Thu tiền chậm nộp						

STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	NS thị trấn Giang Tiên, Đu	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách các xã còn lại
	- Từ các đơn vị, cá nhân do Cục thuế tỉnh quản lý thu và các đơn vị thuộc cấp trung ương quản lý thu nhưng địa phương được hưởng.	100			100		
	- Từ các đơn vị, cá nhân do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu		100			100	
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	100			100		
10	Các khoản phí, lệ phí còn lại, thu sự nghiệp và thu khác: Thực hiện tỷ lệ điều tiết theo quy định hiện hành của từng loại thu. Đơn vị thuộc ngân sách cấp nào thu, nộp ngân sách, ngân sách cấp đó hưởng 100%						
11	Đối với các khoản huy động đóng góp, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, viện trợ không hoàn lại cho ngân sách cấp nào, ngân sách cấp đó hưởng 100% theo quy định						
12	Đối với các khoản ghi thu - ghi chi phát sinh tại đơn vị cấp nào thì ghi thu vào ngân sách cấp đó hưởng 100%						

Ghi chú: (*) cấp bổ sung theo số thực tế phát sinh nộp vào ngân sách.

Phụ lục X

QUY ĐỊNH TỶ LỆ ĐIỀU TIẾT CÁC KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÚ BÌNH THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH 2022-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		NS tỉnh	NS huyện	NS thị trấn Hương Sơn	NS tỉnh	NS huyện	NS các xã còn lại
I	Các khoản thu về đất và thuế						
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương, địa phương						
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt	100			100		
2	Các khoản thu từ đơn vị vãng lai ngoại tỉnh là các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế khu vực quản lý	100			100		
3	Thuế giá trị gia tăng của các đơn vị vãng lai ngoại tỉnh thực hiện trên địa bàn huyện do Chi cục Thuế khu vực quản lý (không bao gồm các đơn vị là các doanh nghiệp nhà nước Trung ương, doanh nghiệp nhà nước địa phương, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp ngoài quốc doanh)		100			100	
4	Thu doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt	100			100		
5	Thu từ khu vực dịch vụ ngoài quốc doanh						
a	Các doanh nghiệp do Cục Thuế tỉnh quản lý thu						
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt đối với các doanh nghiệp có trụ sở hoặc hoạt động trên địa bàn huyện	100			100		
b	Các doanh nghiệp do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu						
	Thuế thu nhập doanh nghiệp, giá trị gia tăng, tài nguyên, tiêu thụ đặc biệt		100			100	
	Thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, tài nguyên từ các hộ cá nhân kinh doanh		50	50			100
6	Thuế bảo vệ môi trường (trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hoá nhập khẩu)	100			100		

STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		NS tỉnh	NS huyện	NS thị trấn Hương Sơn	NS tỉnh	NS huyện	NS các xã còn lại
7	Thuế Thu nhập cá nhân						
	- Do Cục Thuế tỉnh quản lý thu	100			100		
	- Do Chi Cục Thuế khu vực quản lý thu		100			100	
8	Thu tiền cho thuê đất (không bao gồm ghi thu ghi chi)						
	- Các đơn vị do Cục Thuế tỉnh quản lý thu	100			100		
	- Các đơn vị do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu		100			100	
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			100			100
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			100			100
11	Thu tiền sử dụng đất (không bao gồm ghi thu ghi chi)						
	- Trung tâm Phát triển quy đất tỉnh (thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường); Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh	100			100		
	- Các khu tái định cư đầu tư bằng nguồn ngân sách tỉnh	100			100		
	- Thu tiền sử dụng đất từ các dự án khu dân cư, khu đô thị được chuyển mục đích từ đất sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sang đất ở	20	80		20	80	
	- Thu tiền sử dụng đất từ các dự án khu dân cư, khu đô thị không sử dụng vốn nhà nước thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (sau khi trừ đi các khoản được trừ theo quy định)	20	80		20	80	
	- Các khu tái định cư đầu tư bằng nguồn ngân sách cấp huyện		100			100	
	- Thu tiền sử dụng đất còn lại trên địa bàn huyện	10	90		10	90	
II	Các khoản thu phí, lệ phí, thu sự nghiệp và thu khác						
1	Thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản						
	- Do Cục Thuế tỉnh quản lý thu (*)	70	30		70	30	
	- Do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu		100			100	
2	Lệ phí trước bạ						
	- Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy		100			100	
	- Lệ phí trước bạ nhà đất và tài sản khác		90	10		50	50
3	Lệ phí môn bài						

STT	Nội dung thu	Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng			Tỷ lệ (%) điều tiết được hưởng		
		NS tỉnh	NS huyện	NS thị trấn Hương Sơn	NS tỉnh	NS huyện	NS các xã còn lại
	- Lệ phí môn bài thu từ hộ, cá nhân kinh doanh			100			100
	- Lệ phí môn bài thu từ doanh nghiệp		100			100	
4	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản						
	- Đối với giấy phép do trung ương cấp	100			100		
	- Đối với giấy phép do địa phương cấp	100			100		
5	Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa (*)						
	- Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh	100			100		
	- Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện và các dự án thực hiện theo phương thức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	50	50		50	50	
6	Thu phạt, tịch thu						
	- Do cơ quan cấp tỉnh xử lý	100			100		
	- Do cơ quan cấp huyện xử lý		100			100	
	- Do cơ quan cấp xã xử lý			100			100
7	Thu tiền chậm nộp						
	- Từ các đơn vị, cá nhân do Cục thuế tỉnh quản lý thu và các đơn vị thuộc cấp trung ương quản lý thu nhưng địa phương được hưởng.	100			100		
	- Từ các đơn vị, cá nhân do Chi cục Thuế khu vực quản lý thu		100			100	
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	100			100		
9	Các khoản phí, lệ phí còn lại, thu sự nghiệp và thu khác: Thực hiện tỷ lệ điều tiết theo quy định hiện hành của từng loại thu. Đơn vị thuộc ngân sách cấp nào thu, nộp ngân sách, ngân sách cấp đó hưởng 100%						
10	Đối với các khoản huy động đóng góp, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, viện trợ không hoàn lại cho ngân sách cấp nào, ngân sách cấp đó hưởng 100% theo quy định						
11	Đối với các khoản ghi thu - ghi chi phát sinh tại đơn vị cấp nào thì ghi thu vào ngân sách cấp đó hưởng 100%						

Ghi chú: (*) cấp bổ sung theo số thực tế phát sinh nộp vào ngân sách.